



CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2026



Tháng 12-2025

Số: /QĐ-TKT

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026
của Thống kê tỉnh Đắk Lắk

TRƯỞNG THỐNG KÊ, THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1248/QĐ-CTK, ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc giao kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2025 đối với Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk” gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ hàng tháng, quý, năm và các sản phẩm không thường xuyên do các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh biên soạn, phổ biến trong năm 2026.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026, các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo thời gian quy định; Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2026, định kỳ hàng tháng, quý và năm báo cáo Trưởng Thống kê tỉnh hình thực hiện Lịch phổ biến.

Điều 3. Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TK Tổng hợp và Đối ngoại (b/c);
- Vp Tỉnh Ủy, UBND tỉnh, HDND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Công thương;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Văn hóa, thể thao và du lịch;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo TKT;
- Các đơn vị thuộc TKT;
- Lưu VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH

Hồ Ngọc Quang

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CTK ngày tháng 12 năm 2025 của Trưởng Thống kê tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
A	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
1	ẤN PHẨM				
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
II.	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP TỈNH				
1	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 12/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 1/2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 2/2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 3/2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 4/2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 5/2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 6/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 7/2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 8/2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 9/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 10/2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập, số vốn đăng ký, số lao động đăng ký tháng 11/2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 12/2025	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 1/2026	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 2/2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 3/2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 4/2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 5/2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 6/2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 7/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 8/2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 9/2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 10/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tạm ngừng hoạt động và giải thể tháng 11/2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 12/2025	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 01/2026	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 2/2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 3/2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 4/2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 5/2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 6/2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 7/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 8/2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 9/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 10/2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tháng 11/2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
4	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/1/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
6	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 1 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 2 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
7	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 2 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
8	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
9	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2025	Ước tính	2/1/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 01 năm 2026	Ước tính	2/2/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây hàng năm tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
10	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 2 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
11	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 2 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
12	Sản lượng thủy sản tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 2 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Sản lượng thủy sản tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
13	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
14	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
15	Chỉ số sử dụng lao động tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
16	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
17	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
18	Doanh thu dịch vụ khác tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2025	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
19	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
20	Xuất siêu, nhập siêu tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Xuất siêu, nhập siêu tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
21	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 12 năm 2026	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Mặt hàng xuất, nhập khẩu tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
22	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
23	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
24	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
25	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
26	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 12 năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 01 năm 2026	Ước tính	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 02 năm 2026	Ước tính	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 3 năm 2026	Ước tính	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 4 năm 2026	Ước tính	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 5 năm 2026	Ước tính	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 6 năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 7 năm 2026	Ước tính	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 8 năm 2026	Ước tính	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 10 năm 2026	Ước tính	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số lượt khách do cơ sở lưu trú, lữ hành phục vụ tháng 11 năm 2026	Ước tính	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
27	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 12 năm 2026	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 01 năm 2026	Sơ bộ	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 02 năm 2026	Sơ bộ	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 3 năm 2026	Sơ bộ	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 4 năm 2026	Sơ bộ	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 5 năm 2026	Sơ bộ	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 6 năm 2026	Sơ bộ	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 7 năm 2026	Sơ bộ	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 8 năm 2026	Sơ bộ	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 9 năm 2026	Sơ bộ	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 10 năm 2026	Sơ bộ	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 11 năm 2026	Sơ bộ	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
28	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 12 năm 2025	Sơ bộ	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 01 năm 2026	Sơ bộ	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 02 năm 2026	Sơ bộ	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 3 năm 2026	Sơ bộ	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 4 năm 2026	Sơ bộ	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 5 năm 2026	Sơ bộ	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 6 năm 2026	Sơ bộ	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 7 năm 2026	Sơ bộ	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 8 năm 2026	Sơ bộ	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 9 năm 2026	Sơ bộ	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 10 năm 2026	Sơ bộ	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 11 năm 2026	Sơ bộ	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
29	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 12 năm 2025	Sơ bộ	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 01 năm 2026	Sơ bộ	02/02/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 02 năm 2026	Sơ bộ	02/3/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 3 năm 2026	Sơ bộ	02/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 4 năm 2026	Sơ bộ	02/5/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 5 năm 2026	Sơ bộ	02/6/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 6 năm 2026	Sơ bộ	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 7 năm 2026	Sơ bộ	02/8/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 8 năm 2026	Sơ bộ	02/9/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 9 năm 2026	Sơ bộ	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 10 năm 2026	Sơ bộ	02/11/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại tháng 11 năm 2026	Sơ bộ	02/12/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
B	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ				
I	ẤN PHẨM				
1	Thông cáo báo chí tình hình kinh tế- xã hội 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	02-6/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2	Tờ gấp tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng năm 2026	Ước tính	02-6/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Kết quả điều tra lao động việc làm quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Kết quả điều tra lao động việc làm quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Kết quả điều tra lao động việc làm quý II và 6 tháng năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Kết quả điều tra lao động việc làm quý III và 9 năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5	Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng quý IV năm 2025 và dự báo quý I/2026	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng quý I/2026 và dự báo quý II/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng quý II/2026 và dự báo quý III/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng quý III/2026 và dự báo quý IV/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội quý IV năm 2025	02/01/2026	Ấn phẩm	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội quý I năm 2026	02/04/2026	Ấn phẩm	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội quý II năm 2026	02/7/2026	Ấn phẩm	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội quý III năm 2026	02/10/2026	Ấn phẩm	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
II	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP TỈNH				
1	Lực lượng lao động Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Lực lượng lao động Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Lực lượng lao động Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Lực lượng lao động Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế Quý IV 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
4	Tỷ lệ thất nghiệp quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
6	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý VI năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý III và năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê công nghiệp và xây dựng
7	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý IV năm 2025	Ước tính	01/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I năm 2026	Ước tính	01/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý II năm 2026	Ước tính	01/07/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý III năm 2026	Ước tính	01/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
8	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý IV năm 2025	Ước tính	01/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I năm 2026	Ước tính	01/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý II năm 2026	Ước tính	01/07/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý III năm 2026	Ước tính	01/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
9	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý IV năm 2025	Ước tính	01/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I năm 2026	Ước tính	01/4/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý II năm 2026	Ước tính	01/07/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý III năm 2026	Ước tính	01/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
10	Thu ngân sách NN trên địa bàn và cơ cấu thu NS Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu ngân sách NN trên địa bàn và cơ cấu thu NS Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu ngân sách NN trên địa bàn và cơ cấu thu NS Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu ngân sách NN trên địa bàn và cơ cấu thu NS Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
11	Chi ngân sách địa phương và cơ cấu chi Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách địa phương và cơ cấu chi Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách địa phương và cơ cấu chi Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách địa phương và cơ cấu chi Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
12	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
13	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
14	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
15	Thu, chi bảo hiểm Xã hội, BH Y tế, BH Thất nghiệp Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm Xã hội, BH Y tế, BH Thất nghiệp Quý I/2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm Xã hội, BH Y tế, BH Thất nghiệp Quý II/2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm Xã hội, BH Y tế, BH Thất nghiệp Quý III/2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
16	Sản lượng chăn nuôi chủ yếu Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng chăn nuôi chủ yếu Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng chăn nuôi chủ yếu Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng chăn nuôi chủ yếu Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
17	Diện tích rừng trồng mới tập trung Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Diện tích rừng trồng mới tập trung Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng trồng mới tập trung Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
18	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
19	Diện tích rừng bị thiệt hại Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng bị thiệt hại Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng bị thiệt hại Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích rừng bị thiệt hại Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
20	Sản lượng thủy sản Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Sản lượng thủy sản Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
21	Chỉ số sản xuất công nghiệp Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
22	Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
23	Doanh thu bán lẻ hàng hoá Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hoá Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hoá Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hoá Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
24	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
25	Doanh thu dịch vụ khác Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
26	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
27	Chỉ số giá SX nông nghiệp, công nghiệp và DV Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Chỉ số giá SX nông nghiệp, công nghiệp và DV Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá SX nông nghiệp, công nghiệp và DV Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá SX nông nghiệp, công nghiệp và DV Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
28	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
29	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển Quý III năm /2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
30	Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển Quý IV/2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
31	Số lượng thuê bao điện thoại Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao điện thoại Quý I năm 2025	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao điện thoại Quý II năm 2025	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao điện thoại Quý III năm 2025	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
32	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
33	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
34	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
35	Số lượt khách du lịch nội địa Quý IV năm 2025	Ước tính	02/01/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa Quý I năm 2026	Ước tính	02/04/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa Quý II năm 2026	Ước tính	02/7/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa Quý III năm 2026	Ước tính	02/10/2026	Ấn phẩm, đèn Led và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
C	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
I	ẤN PHẨM				
1	Niên giám thống kê (đầy đủ)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025 Sơ bộ 2024	30/6/2026 31/7/2026	File mềm Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Niên giám thống kê xã/phường	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025 Sơ bộ 2024	30/6/2025	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
3	Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế- xã hội chủ yếu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025 Sơ bộ 2024	15/4/2024	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Tờ gấp tình hình kinh tế - xã hội năm 2025	Ước tính	02-6/01/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2025	Ước tính	02-6/01/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
6	Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2025	Chính thức	2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
7	Kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2025	Chính thức	2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
8	Kết quả điều tra biến động dân số năm 2025	Chính thức	2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
9	Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản	Chính thức	2026	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
II	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP TỈNH				
1	Diện tích đất và cơ cấu đất	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
2	Dân số và mật độ dân số	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
3	Số hộ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
4	Tỷ số giới tính khi sinh	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
5	Tỷ suất sinh thô	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
6	Tỷ suất chết thô	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
7	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
8	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ xuất di cư thuần	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
9	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
10	Số cuộc kết hôn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
11	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
12	Số vụ ly hôn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
13	Tuổi ly hôn trung bình	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
15	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
16	Tỷ lệ đô thị hóa	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
17	Lực lượng lao động	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
18	Số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
19	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
20	Tỷ lệ thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
21	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
22	Tỷ lệ thiếu việc làm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
23	Năng suất lao động xã hội	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
24	Thu nhập bình quân một lao động làm công ăn lương	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
25	Tỷ lệ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
26	Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
27	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
28	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
29	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
30	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
31	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
32	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
33	Năng lực mới tăng chủ yếu trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
34	Diện tích sàn xây dựng hoàn thành	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
35	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	
36	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	File mềm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
			31/7/2025	Ấn phẩm và Website	

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
37	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
38	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
39	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
40	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (tính bằng VND và USD)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
41	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
42	Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
43	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
44	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
45	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
46	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
47	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
48	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
49	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
50	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
51	Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
52	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
53	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		
54	Số người được hưởng bảo hiểm y tế	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
			31/7/2025		

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
55	Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
56	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
57	Diện tích cây hàng năm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
58	Diện tích cây lâu năm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
59	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
60	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
61	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
62	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
63	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
64	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
65	Sản lượng gỗ và lâm sản khác	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
66	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
67	Diện tích thu hoạch thủy sản	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
68	Sản lượng thủy sản	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
69	Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
70	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
71	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và xây dựng
			31/7/2025		
72	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và xây dựng
			31/7/2025		

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
73	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
74	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
75	Doanh thu dịch vụ khác	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
76	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
77	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
78	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
79	Doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
80	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
81	Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
82	Số thuê bao điện thoại	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
83	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
84	Tỷ lệ người sử dụng internet	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
85	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
86	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
87	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
88	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
89	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
90	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
91	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
92	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
93	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
94	Tỷ lệ người dân tham gia mạng xã hội	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
95	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
96	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
97	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
98	Số phòng học mầm non	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
99	Số giáo viên mầm non	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
100	Số trẻ em mầm non	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
101	Số trường học các cấp	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
102	Số lớp học phổ thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
103	Số phòng học phổ thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
104	Số trường học phổ thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
105	Số học sinh phổ thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
106	Số học sinh phổ thông bình quân 1 giáo viên	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
107	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
108	Tỷ lệ phòng học kiên cố	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
109	Số bác sỹ, số giường bệnh trên 10.000 dân	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
110	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
111	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
112	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
113	Số ca tử vong do HIV/AIDS hằng năm trên 100.000 dân	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
114	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
115	Số lượt khách du lịch nội địa	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
116	Chi tiêu khách du lịch nội địa	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
117	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
118	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
119	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
120	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
121	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
122	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
123	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
124	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
125	Số vụ cháy, nổ số người chết, bị thương và thiệt hại do cháy nổ gây ra	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
126	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
127	Số vụ án, số bị can đã bị khởi tố	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
128	Số vụ án, số bị can đã bị truy tố	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
129	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
130	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
131	Diện tích rừng hiện có	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
132	Diện tích rừng bị thiệt hại	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
133	Tỷ lệ che phủ rừng	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
134	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
135	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
136	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
137	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025 31/7/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
138	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
139	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM2,5 và bụi PM10 trong môi	Chính thức năm 2024, sơ bộ năm 2025	30/6/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
			31/7/2025		
D	CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÔNG THƯỜNG XUYÊN				
1	Các thông tin hoạt động của Thống kê tỉnh	Thông tin	Khi có phát sinh	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

Ghi chú

(*)Nếu các mốc thời gian phổ biến trùng vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, thời hạn phổ biến có thể chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Thông tin liên hệ: Phòng Thống kê Tổng hợp - Thống kê tỉnh Đắk Lắk; số 19 đường Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (02623).856008

Website: <http://thongkedaklak@nso.gov.vn>

THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến ^(*)
A	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG		
I	ẤN PHẨM		
<i>1</i>	<i>Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	<i>06/02/2026</i>
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/03/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2026	Ước tính	06/05/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2026	Ước tính	06/06/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2026	Ước tính	06/08/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2026	Ước tính	06/09/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026

	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2026	Ước tính	06/11/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2026	Ước tính	06/12/2026
	Báo cáo phân tích tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2026	Ước tính	06/01/2027
II	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA		
1	<i>Thu - Chi ngân sách Nhà nước tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	<i>06/02/2026</i>
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 02 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/03/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 3 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/05/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/06/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2026	Ước tính	06/08/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2026	Ước tính	06/09/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026

	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2026	Ước tính	06/11/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2026	Ước tính	06/12/2026
	Thu - Chi ngân sách Nhà nước năm 2026	Ước tính	06/01/2027
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027

3	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
4	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026

	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
5	<i>Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/6/2026	Ước tính	06/07/2026

	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15/12/2026	Ước tính	06/01/2027
6	<i>Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026

	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
7	<i>Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027

8	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
9	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026

	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
10	<i>Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026

	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
11	<i>Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026

	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
12	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 01/2026	Ước tính	06/02/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027

13	<i>Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 01/2026</i>	<i>Chính thức</i>	06/02/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 02/2026	Chính thức	06/03/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 3/2026	Chính thức	06/04/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 4/2026	Chính thức	06/05/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 5/2026	Chính thức	06/06/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 6/2026	Chính thức	06/07/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 7/2026	Chính thức	06/08/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 8/2026	Chính thức	06/09/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 9/2026	Chính thức	06/10/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 10/2026	Chính thức	06/11/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 11/2026	Chính thức	06/12/2026
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 12/2026	Chính thức	06/01/2027
14	<i>Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026

	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Ước tính	06/01/2027
15	<i>Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 01/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/02/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 02/2026	Ước tính	06/03/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 3/2026	Ước tính	06/04/2026

	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 4/2026	Ước tính	06/05/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 5/2026	Ước tính	06/06/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 6/2026	Ước tính	06/07/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 7/2026	Ước tính	06/08/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 8/2026	Ước tính	06/09/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 9/2026	Ước tính	06/10/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 10/2026	Ước tính	06/11/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 11/2026	Ước tính	06/12/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 12/2026	Ước tính	06/01/2027
B	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ		
I	ẤN PHẨM		

1	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 3 và quý I năm 2026	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2026	Ước tính	06/01/2027
2	<i>Tờ gấp: Số liệu thống kê chủ yếu 6 tháng đầu năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/07/2026
3	<i>Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/07/2026
4	<i>Xu hướng kinh doanh ngành Công nghiệp quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Công nghiệp quý II năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Công nghiệp quý III năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Công nghiệp quý IV năm 2026	Ước tính	06/01/2027
5	<i>Xu hướng kinh doanh ngành Xây dựng quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Xây dựng quý II năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Xây dựng quý III năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Xu hướng kinh doanh ngành Xây dựng quý IV năm 2026	Ước tính	06/01/2027
6	<i>Báo cáo tình hình lao động việc làm quý I/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Báo cáo tình hình lao động việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Báo cáo tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Báo cáo tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2026	Ước tính	06/01/2027
7	<i>Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Báo cáo tình hình đời sống dân cư, an sinh xã hội năm 2026	Ước tính	06/01/2027
II	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA		
1	<i>Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026

	Tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Tổng sản phẩm trên địa bàn 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026	Ước tính	06/01/2027
	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026	Ước tính	06/01/2027
	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026	Ước tính	06/01/2027
2	<i>Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/07/2026
	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2026	Ước tính	06/07/2026
3	<i>Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2026	Ước tính	06/01/2027

4	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp năm 2026	Ước tính	06/01/2027
5	Chỉ số hàng tồn kho và tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Chỉ số hàng tồn kho và tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý II năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Chỉ số hàng tồn kho và tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Chỉ số hàng tồn kho và tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	Ước tính	06/01/2027
	quý IV năm 2026		
6	Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn quý II năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn quý III năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn quý IV năm 2026	Ước tính	06/01/2027
7	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2026	Ước tính	06/04/2026
	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026

	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý IV và năm 2026	Ước tính	06/01/2027
8	<i>Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế quý I/2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế quý II năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế quý III năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế quý IV năm 2026	Ước tính	06/01/2027
9	<i>Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm – Vụ Đông Xuân 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/07/2026
	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm – Vụ Hè Thu 2026	Ước tính	06/10/2026
	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm – Vụ Mùa 2026	Ước tính	06/01/2027
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu Quý I năm 2026	Ước tính	06/04/2026
	Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu Quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu quý III và 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Diện tích, năng suất và sản lượng một số loại cây hằng năm chủ yếu năm 2026	Ước tính	06/01/2027
10	<i>Số lượng và sản phẩm chăn nuôi quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026

	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi năm 2026	Ước tính	06/01/2027
11	<i>Diện tích rừng và sản lượng khai thác quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Diện tích rừng và sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Diện tích rừng và sản lượng khai thác 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Diện tích rừng và sản lượng khai thác năm 2026	Ước tính	06/01/2027
12	<i>Sản lượng thủy sản quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Sản lượng thủy sản năm 2026	Ước tính	06/01/2027
13	<i>Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2026	Ước tính	06/01/2027
14	<i>Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026

	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2026	Ước tính	06/01/2027
15	<i>Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển 9 tháng năm 024	Ước tính	06/10/2026
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển năm 2026	Ước tính	06/01/2027
16	<i>Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển 6 tháng năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển năm 2026	Ước tính	06/01/2027
17	<i>Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành năm 2026	Ước tính	06/01/2027
18	<i>Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026

	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống năm 2026	Ước tính	06/01/2027
19	<i>Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú năm 2026	Ước tính	06/01/2027
20	<i>Doanh thu một số ngành dịch vụ khác quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác 6 tháng năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác năm 2026	Ước tính	06/01/2027
21	<i>Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý I năm 2026</i>	<i>Sơ bộ</i>	06/04/2026
	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Sơ bộ	06/07/2026
	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý III và 9 tháng năm 2026	Sơ bộ	06/10/2026
	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý IV và năm 2026	Sơ bộ	06/01/2027

22	<i>Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ quý I năm 2026</i>	<i>Sơ bộ</i>	06/04/2026
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ quý II và 6 tháng đầu năm 2026	Sơ bộ	06/07/2026
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ quý III và 9 tháng năm 2026	Sơ bộ	06/10/2026
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ quý IV và năm 2026	Sơ bộ	06/01/2027
23	<i>Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông năm 2026	Ước tính	06/01/2027
24	<i>Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại năm 2026	Ước tính	06/01/2027
25	<i>Chỉ tiêu thu nhập bình quân người/tháng giữa các nhóm thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo quý I năm 2026</i>	<i>Ước tính</i>	06/04/2026
	Chỉ tiêu thu nhập bình quân người/tháng giữa các nhóm thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo 6 tháng đầu năm 2026	Ước tính	06/07/2026
	Chỉ tiêu thu nhập bình quân người/tháng giữa các nhóm thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo 9 tháng năm 2026	Ước tính	06/10/2026

	Chỉ tiêu thu nhập bình quân người/tháng giữa các nhóm thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo năm 2026	Ước tính	06/01/2027
C	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM		
I	ẤN PHẨM		
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2026	Ước tính	06/01/2027
1			
2	Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh năm 2025	Chính thức	15/04/2026
3	Tờ gấp: Số liệu thống kê chủ yếu năm 2026	Ước tính	06/01/2027
	Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2026	Ước tính	06/01/2027
4			
5	Niên giám thống kê tỉnh năm 2025	Chính	30/06/2026
			30/07/2026
6	Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2025	Chính thức	18/07/1905
7	Kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2025	Chính thức	18/07/1905
8	Kết quả điều tra biến động dân số năm 2025	Chính thức	18/07/1905
9	Kết quả Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản	Chính thức	18/07/1905
II	CHỈ TIÊU THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
2	Tốc độ tăng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
3	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
4	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
5	Thu – Chi và cơ cấu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027

6	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
7	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
8	Chỉ số hàng tồn kho, tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến chế tạo	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
9	Số lượng cơ sở và lao động ngành Công nghiệp năm 2025	Chính thức	07/2026
10	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
11	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
12	Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế năm 2025	Chính thức	07/2026
13	Diện tích nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm 2025	Chính thức	07/2026
14	Số lượng doanh nghiệp xây dựng và cơ sở cá thể hoạt động xây dựng có đến 31/12/2025	Chính thức	07/2026
15	Số lượng lao động trong doanh nghiệp xây dựng và cơ sở cá thể hoạt động xây dựng có đến 31/12/2025	Chính thức	07/2026
16	Diện tích, năng suất, sản lượng lúa 3 Vụ (Đông xuân, Hè thu và Vụ mùa)	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
17	Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu năm 2026	Ước tính	06/01/2027
18	Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây hàng năm chủ yếu 2026	Ước tính	06/01/2027
19	Số lượng trang trại năm 2025	Sơ bộ	07/2026
20	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Sơ bộ	07/2026
21	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi năm	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027

22	Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
23	Sản lượng thủy sản và diện tích thủy sản	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
24	Số lượng tàu thuyền khai thác thủy sản biển có động cơ	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
25	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
26	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
27	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
28	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
29	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
30	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
31	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
32	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
33	Số lượt khách, ngày khách phục vụ lưu trú	Sơ bộ 2025	07/2026

		Ước tính 2026	06/01/2027
34	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
35	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Sơ bộ 2025	07/2026
36	Số thuê bao điện thoại, số thuê bao internet	Sơ bộ 2025	07/2026
37	Diện tích và cơ cấu đất	Sơ bộ 2025	07/2026
38	Dân số và mật độ dân số	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
39	Tỷ số giới tính khi sinh	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
40	Tỷ suất sinh thô, chết thô	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
41	Tổng tỷ suất sinh	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
42	Tỷ lệ tăng dân số	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
43	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
44	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
45	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu	Sơ bộ 2025	07/2026

		Ước tính 2026	06/01/2027
46	Số cuộc kết hôn	Sơ bộ 2025	07/2026
47	Lực lượng lao động	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
48	Số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
49	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo; tỷ lệ thất nghiệp; tỷ lệ thiếu việc làm	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
50	Năng suất lao động xã hội	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
51	Số trường, lớp, phòng học phổ thông	Sơ bộ 2025-2026	07/2026
52	Số giáo viên, học sinh phổ thông	Sơ bộ 2025-2026	07/2026
53	Số học sinh phổ thông bình quân 1 giáo viên, 1 lớp học	Sơ bộ 2025-2026	07/2026
54	Số bác sỹ, số giường bệnh bình quân 10.000 người dân	Sơ bộ 2025	07/2026
55	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Sơ bộ 2025	07/2026
56	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	Sơ bộ 2025	07/2026
57	Số người nhiễm HIV, số bệnh nhân AIDS, số người chết do AIDS	Sơ bộ 2025	07/2026
58	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Sơ bộ 2025	07/2026

59	Chỉ số phát triển con người	Sơ bộ 2025	07/2026
60	Thu nhập bình quân người/tháng giữa các nhóm thu nhập; tỷ lệ hộ nghèo	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
61	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
62	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
63	Số vụ, số bị can đã khởi tố, truy tố	Sơ bộ 2025	07/2026
64	Số vụ, số người vi phạm đã kết án	Sơ bộ 2025	07/2026
65	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
66	Số người tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp	Sơ bộ 2025	07/2026
		Ước tính 2026	06/01/2027
D	KHÔNG THƯỜNG XUYÊN		
1	Kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt nam năm 2025	Chính thức	18/07/1905
2	Kết quả Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản	Chính thức	18/07/1905
3	Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2026	Chính thức	19/07/1905

(*) Nếu các mốc thời gian phổ biến vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Thông tin liên hệ: Thống kê tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thống kê Tổng hợp); số 8D đ
Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3833

[illegible]

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp
	và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

[illegible]

[illegible]

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và
	Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và
	Giá

[illegible]

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và
	Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Tổng hợp</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
<i>Ấn phẩm</i>	<i>Phòng Thống kê Tổng hợp</i>
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Tổng hợp</i>
<i>Ấn phẩm</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây</i>
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
<i>Ấn phẩm</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây</i>
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công
<i>Ấn phẩm</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã</i>
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
<i>Ấn phẩm</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã</i>
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Tổng hợp</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Tổng hợp</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp
	và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp
	và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và
	Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
<i>Ấn phẩm và Website</i>	<i>Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội</i>
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp
	và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Website	Phòng Thống kê Tổng
Ấn phẩm	
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Tổng hợp
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Tổng hợp

Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm	Phòng Thống kê
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp
	và Xã hội
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm và	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã
Ấn phẩm	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

thời hạn phổ biến có thể

tuần 3 tháng 4, phường
721.